TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 225/2025/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 06 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 146/2025/TLHNGĐ – ST ngày 17/02/2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, thỏa thuận về tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Vũ Đức T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Lê Chân, Hải Phòng
Tạm trú: quận Gò Vấp, TPHCM

- Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1987
Địa chỉ: quận Bình Thạnh, TPHCM
Tạm trú: quận Gò Vấp, TPHCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Phương T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2012.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 10/02/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/02/2025, ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Phương T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Bà Nguyễn Phương T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Vũ Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/01/2013 và Vũ Nguyên K, sinh ngày 19/7/2019; Ông Vũ Đức T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Các đương sự tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Phương T thật sự tự nguyện ly hôn, các đương sự thống nhất cách giải quyết về con chung, về tài sản chung, nợ chung như nêu trên.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Phương T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2012 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Bà Nguyễn Phương T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Vũ Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/01/2013 và Vũ Nguyên K, sinh ngày 19/7/2019 cho đến khi trưởng thành.

Ông Vũ Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Vũ Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng một tháng)*. Các bên tự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ 15/3/2025.

Trường hợp ông Vũ Đức T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà Nguyễn Phương T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thực hiện.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Phương T đã nộp theo biên lai thu số 0057299 ngày 17/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

2. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- CCTHADS QGV;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tứ Nhị